

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 4 - 2023

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần:

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Lăng Đức Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 3 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1973; có mặt

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1975; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn M chung sống với nhau từ năm 1994 và sinh được 02 người con chung là cháu Hoàng Văn N, sinh ngày 15/10/1995 và Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 15/4/1997, chị T và anh M có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh M chung sống với nhau tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, từ đó xảy ra cãi nhau, anh M không tu trí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện tại chị T thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn M theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hoàng Văn M xác nhận: Về thời gian, địa điểm, quan hệ hôn nhân như lời trình bày của chị T là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh sống hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung. Đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ cảm thông cho nhau. Hiện tại anh M thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Trên thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, chị T làm đơn ly hôn với anh, anh M nhất trí.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn N, sinh ngày 15/10/1995 và Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 15/4/1997, hiện cháu N và cháu H đều trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh Hoàng Văn M, tại phiên tòa vắng mặt anh M nhưng anh M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M cũng nhất trí ly hôn; về con chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan

hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M; Việc nuôi con: Con chung đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết; về án phí, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Hoàng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn M có nơi cư trú là thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn M đã có lời khai và đã có mặt tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh Hoàng Văn M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay và được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Yên, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi anh chị cư trú.

[4] Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

[5] Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

[6] Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[7] Về việc nuôi con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn N, sinh ngày 15/10/1995 và cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 15/4/1997, hiện con chung đã trên 18 tuổi, nên chị T, anh M không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 53, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M.

- **Về án phí:** Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0003252, ngày 08/3/2023.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa án báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đồng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh